

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2021

“*V/v Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:* Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2021/HNGĐ-ST ngày 12/3/2021, về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐ-ST ngày 09/4/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Văn K, sinh năm 1965

Địa chỉ :Đội 2, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn : Bà Phạm Thị V, sinh năm 1973.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Đội 2, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Canada (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai* - Nguyên đơn ông Phùng Văn K trình bày: Ông và bà V tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới vào tháng 12/1992. Do không hiểu biết pháp luật nên ông không làm thủ tục đăng ký kết hôn, khi các con lớn, được sự động viên của chính quyền địa phương, năm 2013 ông và bà V đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà V đi Canada lao động theo thời vụ, lúc đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc. Khi hết thời hạn

lao động, bà V về Việt Nam một thời gian ngắn rồi lại làm thủ tục để đi nước ngoài, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt. Từ tháng 10/2019 bà V sang Canada lao động rồi chấm dứt liên lạc với ông, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Về con chung: Vợ chồng ông có 2 con chung là Phùng Sơn T, sinh ngày 09/8/1993 và Phùng Tuấn A, sinh ngày 02/5/2000. Hiện các cháu đã trưởng thành, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung : Chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông K không cung cấp được địa chỉ của bà Phạm Thị V tại Canada nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Phạm Thị M và ông Phạm Trọng B là anh chị ruột của bà V. Bà M, ông B xác định bố mẹ đẻ của ông bà đều đã chết, hiện bà V đang lao động tại Canada và thường xuyên liên lạc với bà M qua điện thoại. Qua thực tế, ông bà được biết vợ chồng ông K, bà V sống không hạnh phúc, hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Bà M xác định, bà V đang lao động tại Canada, bà không biết địa chỉ của bà V ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên bà V thường xuyên liên lạc về cho bà, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho bà V biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà M xác định đã thông tin cho bà V biết. Bà V có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung, do các con đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung chưa đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của ông K, bà V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho ông K được ly hôn bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không cung cấp được địa chỉ của bà V tại Canada. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình bà V cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị V tự do tìm hiểu, chung sống cùng nhau từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà V đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng sống xa nhau dẫn đến tình cảm bị phai nhạt, hai bên mất niềm tin, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Thông qua gia đình, bà V có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

- *Về con chung*: Ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị V có hai con chung là Phùng Sơn T, sinh ngày 09/8/1993 và Phùng Tuấn A, sinh ngày 02/5/2000. Hiện các con của ông K, bà V đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Phùng Văn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phùng Văn K được ly hôn bà Phạm Thị V

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: ông Phùng Văn K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông K đã nộp, theo biên lai thu số

AA/2018/0005803 ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Ông K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phùng Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục thi hành dân sự.
- UBND xã N
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền